

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức và hợp đồng
theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan,
tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 73/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2018, như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính: **1.879** biên chế.
2. Biên chế để thực hiện tinh giản theo lộ trình và điều chỉnh bổ sung cho các cơ quan, tổ chức (*nếu có*) theo quy định: **35** biên chế.
3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ: **150** người.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy Ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; (D).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
NGÀY 17/11/2000 TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
CỦA TỈNH NĂM 2018

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Cơ quan	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I	CẤP TỈNH	1.151	112	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	35	11	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	59	12	
3	Sở Nội vụ	50	4	
4	Sở Ngoại vụ	13	2	
5	Sở Công Thương	81	5	
6	Sở Tư pháp	24	3	
7	Sở Giao thông Vận tải	70	1	
8	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	42	3	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	23	2	
10	Sở Y tế	53	2	
11	Thanh tra tỉnh	32	2	
12	Ban Dân tộc	13	3	
13	Sở Tài chính	68	3	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	43	3	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	3	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	41	4	
17	Sở Xây dựng	36	1	

18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	358	22	
19	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	38	1	
20	Sở Thông tin và Truyền thông	22	2	
21	Ban Quản lý khu công nghiệp	9	2	
22	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	0	21	
II	CẤP HUYỆN	728	38	
1	UBND huyện Na Hang	96	5	
2	UBND huyện Lâm Bình	84	6	
3	UBND huyện Chiêm Hoá	108	4	
4	UBND huyện Hàm Yên	104	6	
5	UBND huyện Yên Sơn	113	6	
6	UBND huyện Sơn Dương	113	5	
7	UBND TP Tuyên Quang	110	6	
III	BIÊN CHẾ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN VÀ BỔ SUNG CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	35		
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	1.914	150	